

Số: 586/2024/QĐST-HNGĐ

Hai Bà Trưng, ngày 27 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29; Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39; khoản 2 Điều 149; Điều 212; Điều 213; Điều 361; Điều 371; Điều 396 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 501/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Chị **Phạm Minh T**, sinh năm 19**

Đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện ở tại: Số 2*, tổ *, phường Tứ L, quận Tây H, thành phố H.

- Anh **Phạm Minh H**, sinh năm 19**

Đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện ở tại: Số 5* xóm Tân T, Tổ *, phường Thanh L, quận H, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Minh T và anh Phạm Minh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thanh L, quận H, thành phố H ngày 1*/1*/20** (Giấy chứng nhận kết hôn số 1**, quyển số */20**). Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, do không hợp nhau về tính cách, lối sống nên chị T và anh H cùng đề nghị Tòa án nhân dân quận H công nhận thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Phạm Quang H, sinh ngày 0*/1*/20**. Ly hôn anh chị cùng thống nhất để chị T là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chung anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về tài sản, nhà đất ở chung: Anh chị cùng trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về công nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 1* tháng * năm 20** là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Minh T và anh Phạm Minh H.

- *Về con chung*: Chị Minh T và anh Minh H xác nhận anh chị có 0* con chung là Phạm Quang H, sinh ngày 0/1*/20**. Ly hôn anh chị cùng thống nhất để chị Minh T là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu H kể từ tháng */20** đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác. Cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Anh Phạm Minh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản, nhà đất ở chung*: Anh chị cùng trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- *Về công nợ chung*: Anh chị cùng trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí việc ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Anh Phạm Minh H tự nguyện chịu cả, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 0024*** ngày 1*/*/20** tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VSKND quận H;
- UBND phường Thanh L;
- THADS quận H;
- Lưu hồ sơ, VP.

Phạm Xuân T

